

**UBND TỈNH HÀ NAM  
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Số: 09 /STC-VP**  
V/v rà soát văn bản pháp luật  
từ 01/03/2020 đến 15/03/2020

*Hà Nam, ngày 17 tháng 03 năm 2020*

Kính gửi:

- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng ban thuộc Sở.

Để phục vụ công tác tham mưu các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực quản lý tài chính của Sở được kịp thời và đạt hiệu quả tốt hơn, Văn phòng Sở đã tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, tỉnh, các đơn vị có liên quan để kịp thời nắm bắt các cơ chế chính sách mới, cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc không còn phù hợp thuộc lĩnh vực ngành tài chính cần phải tham mưu.

Văn phòng Sở báo cáo Ban Giám đốc Sở công tác rà soát một số văn bản pháp luật thuộc lĩnh vực tài chính từ ngày 01/03/2020 đến ngày 15/03/2020 gồm 10 văn bản, cụ thể như sau:

- |                                      |              |
|--------------------------------------|--------------|
| - Nghị quyết của Chính phủ           | : 03 văn bản |
| - Nghị định của Chính phủ            | : 03 văn bản |
| - Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | : 03 văn bản |
| - Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ    | : 01 văn bản |

*(Có mục lục các văn bản kèm theo)*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VP.

**TL. GIÁM ĐỐC  
CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Tạ Trung Kiên**

**GIỚI THIỆU VĂN BẢN MỚI LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC TÀI CHÍNH**  
**(Từ 01/03/2020 –15/03/2020)**

**A- VĂN BẢN CỦA TRUNG ƯƠNG**

**Phần I. Nghị quyết của Chính phủ**

**1. Nghị quyết 26/NQ-CP** của Chính phủ ban hành kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ-TW ngày 22/10/2018 của hội nghị lần thứ 8 ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

\* Ngày ban hành : 05/03/2020

\* Ngày có hiệu lực : 05/03/2020

\* Nội dung chính :

- Đối với Kế hoạch tổng thể đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, chủ trương lớn, khâu đột phá và giải pháp chủ yếu về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được đề ra trong Nghị quyết số 36-NQ/TW; xác định các nhiệm vụ trọng tâm, lộ trình thực hiện và phân công cụ thể cho các bộ, ngành và địa phương có liên quan.

- Đối với Kế hoạch 5 năm đến năm 2025

Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, cần ưu tiên thực hiện trong giai đoạn đến năm 2025 nhằm triển khai các chủ trương lớn, khâu đột phá, giải pháp chủ yếu về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam được đề ra trong Nghị quyết số 36-NQ/TW.

Phân công cụ thể cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp triển khai các nhiệm vụ, bảo đảm phù hợp với năng lực và khả năng huy động các nguồn lực của nền kinh tế, bao gồm ngân sách nhà nước, đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài và viện trợ phát triển.

Thực hiện tốt Kế hoạch 5 năm đến năm 2025 là điều kiện căn bản và quan trọng để thực hiện thành công Kế hoạch tổng thể đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giúp Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình và định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện Nghị quyết này; định kỳ 05 năm hai lần tổ chức Diễn đàn phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam để kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các giải pháp đã đề ra từ diễn đàn lần trước và thảo luận, đề xuất các định hướng chiến lược, giải pháp mới với kết quả và thời hạn hoàn thành cụ thể theo yêu cầu của Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ.

Các bộ, ngành chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành, địa phương có liên quan rà soát, đánh giá tổng thể và đề xuất sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới hệ thống pháp luật về biển và hải đảo để thực hiện đầy đủ và toàn diện các nội dung được đề ra trong Nghị quyết số 36-NQ/TW.

**\* Đề nghị các phòng chuyên môn căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham mưu các nội dung có liên quan.**

**2. Nghị quyết 28/NQ-CP năm 2020 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 02 năm 2020**

\* Ngày ban hành : 10/03/2020

\* Ngày có hiệu lực : 10/03/2020

\* Nội dung chính :

Dự báo diễn biến dịch bệnh Covid-19 còn phức tạp, khó lường, tác động đến nhiều ngành, lĩnh vực của đất nước, cần tiếp tục theo dõi chặt chẽ để ứng phó hiệu quả, Chính phủ chỉ đạo:

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội:

+ Hướng dẫn các doanh nghiệp giải quyết quyền lợi của người lao động trong trường hợp bị thiếu, ngừng việc hoặc mất việc làm do ảnh hưởng của dịch bệnh theo đúng quy định;

+ Tạm dừng cấp giấy phép lao động mới cho lao động nước ngoài đến từ các quốc gia, vùng lãnh thổ có dịch Covid-19;...

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến du lịch, thể hiện rõ Việt Nam là điểm đến an toàn, kiểm soát tốt dịch Covid-19;

- Các bộ, ngành khẩn trương rà soát và đề xuất miễn, giảm các khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho các đối tượng chịu ảnh hưởng dịch Covid-19, gửi Bộ Tài chính.

**\* Đề nghị các phòng chuyên môn căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham mưu các nội dung có liên quan.**

**3. Nghị quyết 30/NQ-CP năm 2020 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế**

\* Ngày ban hành : 12/03/2020

\* Ngày có hiệu lực : 12/03/2020

\* Nội dung chính :

Phấn đấu đạt các mục tiêu cụ thể:

a) Đối với nguồn nhân lực

- Đến năm 2025: Tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản dưới 33% tổng số lao động của cả nước. Khắc phục cơ bản tình

trạng mất cân đối cung - cầu nhân lực trong nền kinh tế; thiết lập hệ thống sắp xếp công việc dựa trên vị trí việc làm, củng cố hệ thống chức nghiệp thực tài.

- Đến năm 2035: Tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản dưới 20% tổng số lao động của cả nước. Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt mức cao trên thế giới (giá trị từ 0,700-0,799). Phát triển năng lực đổi mới sáng tạo, có đội ngũ nhân lực khoa học công nghệ, chuyên gia đầu ngành tương đương trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực.

- Đến năm 2045: Tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản dưới 15% tổng số lao động của cả nước. Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt mức cao trên thế giới (giá trị từ 0,800 trở lên); năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của nhân lực Việt Nam đạt mức trung bình các nước ASEAN-4.

b) Đối với nguồn vật lực

- Đến năm 2025:

+ Hoàn thiện đồng bộ hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, công cụ thúc đẩy quản lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản phù hợp với thực tế quy mô và hiệu quả đầu tư. Xây dựng mới và duy trì vận hành mạng lưới trạm quan trắc tài nguyên môi trường hiện có.

+ Hình thành hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội tương đối đồng bộ, hiện đại. Hoàn thành dứt điểm các công trình có tính chất cấp bách, trọng tâm, trọng điểm, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, nâng cấp hạ tầng kết nối giữa các vùng, miền trong cả nước và kết cấu hạ tầng đô thị.

- Đến năm 2035:

+ Phát triển các công cụ điều tiết thị trường quyền sử dụng đất, bảo đảm khoảng 99% diện tích đất tự nhiên được đưa vào khai thác, sử dụng. Kiểm soát tình hình ô nhiễm nguồn nước; phục hồi 25% diện tích hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái. Hoàn thiện hệ thống mạng quan trắc tài nguyên, môi trường quốc gia theo hướng tự động hóa. Hoàn thành việc xây dựng đồng bộ cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên, môi trường và hệ thống thông tin giám sát tài nguyên quốc gia.

+ Bảo đảm hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận tiện, nhanh chóng đến các vùng, miền trong cả nước, khu vực và với quốc tế.

- Đến năm 2045:

+ Chủ động ngăn ngừa, hạn chế tình trạng suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.

+ Hoàn thiện cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối thông suốt trong nước với quốc tế, ngang bằng với các nước phát triển.

c) Đối với nguồn tài lực

- Đến năm 2025:

+ Giữ vững an ninh tài chính quốc gia; bảo đảm cân đối ngân sách tích cực, giảm dần tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước, đến năm 2020 xuống dưới 4% GDP, đến năm 2030 xuống khoảng 3% GDP, hướng tới cân bằng thu - chi ngân sách nhà nước. Đến năm 2030, nợ công không quá 60% GDP, nợ chính phủ không quá 50% GDP, nợ nước ngoài của quốc gia không quá 45% GDP.

+ Đến năm 2020 cơ bản hoàn thành và đến năm 2025 hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước trên phạm vi cả nước; hoàn thành di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, cơ sở phải di dời theo quy hoạch đã được phê duyệt.

+ Đến năm 2025 mức dự trữ quốc gia đạt 0,8% - 1,0% GDP. Dự nợ thị trường trái phiếu đạt 55% GDP.

- Đến năm 2035:

+ Mức dự trữ quốc gia đạt 1,5% GDP. Dự nợ thị trường trái phiếu đạt 70% GDP. Nguồn vốn huy động cho nền kinh tế của các doanh nghiệp bảo hiểm chiếm 20% - 30% tổng nguồn vốn đầu tư dài hạn.

+ Thu ngân sách nhà nước về đất đai đạt 10%, thu từ khai thác tài sản công đạt 5% tổng thu ngân sách nhà nước hằng năm;

- Đến năm 2045:

+ Mức dự trữ quốc gia đạt 2% GDP. Dự nợ thị trường trái phiếu đạt 80% GDP. Nguồn vốn huy động cho nền kinh tế của các doanh nghiệp bảo hiểm chiếm 30% - 50% tổng nguồn vốn đầu tư dài hạn.

+ Giữ ổn định thu ngân sách nhà nước về đất đai đạt 10%, thu từ khai thác tài sản công đạt 5% - 7% tổng thu ngân sách nhà nước.

**\* Đề nghị các phòng chuyên môn căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham mưu các nội dung có liên quan.**

## **Phần II. Nghị định của Chính phủ**

**1. Nghị định 28/2020/NĐ-CP** của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

\* Ngày ban hành : 01/03/2020

\* Ngày có hiệu lực : 15/04/2020

\* Nội dung chính :

Ngày 01/3/2020, Chính phủ ban hành Nghị định 28/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, BHXH, đưa NLD Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Theo đó, quy định phạt tiền từ 05 đến 10 triệu đồng đối với người sử dụng lao động có hành vi phân biệt đối xử về độ tuổi trong quản lý lao động.

Như vậy, căn cứ theo quy định tại Khoản 4 Điều 23 Luật xử lý vi phạm hành chính và quy định nêu trên, khi có hành vi vi phạm:

- Phạt 7,5 triệu đồng với người sử dụng lao động nếu không có các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ.

- Nếu có tình tiết tăng nặng thì cao hơn 7,5 triệu đồng nhưng tối đa là 10 triệu đồng, nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt cụ thể thấp hơn 7,5 triệu đồng nhưng thấp nhất là 05 triệu đồng.

**\* Đề nghị các phòng chuyên môn căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham mưu các nội dung có liên quan.**

**2. Nghị định 32/2020/NĐ-CP** của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

\* Ngày ban hành : 05/03/2020

\* Ngày có hiệu lực : 15/5/2020

\* Nội dung chính :

1. Bổ sung khoản 4 vào Điều 6 : “Quy định về cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật”

2. Bổ sung Điều 10a sau Điều 10: “Xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật”

3. Bổ sung Điều 11a sau Điều 11: “Xây dựng, ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật”

4. Bổ sung khoản 3, khoản 4 vào Điều 12: “Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành”

5. Bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5 vào Điều 14 như sau:

“3. Bộ Tư pháp có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kịp thời xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật; tổng hợp, nghiên cứu, đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trực thuộc kịp thời xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật; tổng hợp việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong báo cáo hằng năm gửi Bộ Tư pháp.

4. Chậm nhất sau 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật, cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật phải báo cáo bằng văn bản về tình hình, kết quả thực hiện các biện pháp nhằm khắc phục hạn chế, tồn tại và xử lý hành vi vi phạm được phát hiện trong quá trình theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Đối với các kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm do Bộ Tư pháp gửi Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương có trách nhiệm báo cáo tình hình xử lý các kiến nghị này gửi Bộ Tư pháp trong quý I năm sau kỳ báo cáo.

5. Trong trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hoặc quyết định áp dụng pháp luật chưa bảo đảm tính chính xác, vi phạm quy định pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp phải ban hành văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền kịp thời đình chính, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, ban hành mới văn bản theo đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp phát hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp có quy định trái với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp phải kịp thời xử lý văn bản trái pháp luật theo thẩm quyền được quy định tại Điều 118, Điều 119 và Điều 120 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.”

6. Khoản 5 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“5. Hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi cả nước chậm nhất vào ngày 25 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.”

7. Khoản 6 Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“6. Hằng năm báo cáo Bộ Tư pháp về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật chậm nhất vào ngày 10 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 01 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 30 tháng 11 của kỳ báo cáo.”

8. Khoản 5 Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“5. Hằng năm Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật chậm nhất vào ngày 10 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 01 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 30 tháng 11 của kỳ báo cáo.

Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện việc báo cáo về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp.”

9. Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

### **“Điều 18. Phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức khác có liên quan trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Căn cứ yêu cầu cụ thể của từng hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp đề nghị các cơ quan, tổ chức phối hợp thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo các nội dung cụ thể.

- Bãi bỏ khoản 2 Điều 15, khoản 2 Điều 16 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

**\* Đề nghị Văn phòng Sở nghiên cứu, tham mưu, các đơn vị, phòng chuyên môn khác thuộc Sở nắm để biết.**

### **3. Nghị định 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ về công tác văn thư**

\* Ngày ban hành : 05/03/2020

\* Ngày có hiệu lực : 05/03/2020

\* Nội dung chính :

Ký ban hành văn bản hành chính phải bằng mực màu xanh, Đây là nội dung nổi bật tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư vừa được Chính phủ ban hành ngày 05/3/2020.

Theo đó, Nghị định quy định rõ, khi ký ban hành văn bản hành chính bằng giấy, thì phải dùng bút có mực màu xanh, không dùng các loại mực dễ phai.

(Trong khi đó, trước đây Nghị định 110/2004/NĐ-CP chỉ quy định khi ký không được dùng bút chì, không dùng mực đỏ hoặc mực dễ phai, dẫn đến người ký văn bản có thể dùng mực đen...).

Đối với văn bản điện tử, người có thẩm quyền sẽ thực hiện ký số.

Ngoài ra, Nghị định còn sửa đổi quy định về các loại văn bản hành chính, cụ thể bỏ các loại văn bản sau khỏi danh sách các loại văn bản hành chính: bản cam kết, giấy chứng nhận, giấy đi đường, giấy biên nhận hồ sơ.

**\* Đề nghị Văn phòng Sở chủ trì tham mưu các nội dung có liên quan, các đơn vị, phòng chuyên môn khác thuộc Sở nắm để biết.**

### **Phần III. Quyết định của Thủ tướng**

**1. Quyết định 316/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống cảnh báo sớm về phòng vệ thương mại”**

\* Ngày ban hành : 01/03/2020

\* Ngày có hiệu lực : 01/03/2020

\* Nội dung chính :

Mục tiêu cụ thể



a) Đến năm 2021:

- Xây dựng hệ thống hạ tầng, công nghệ thông tin để lưu trữ, xử lý dữ liệu và vận hành Hệ thống cảnh báo sớm;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu và tiến hành theo dõi, phân tích các mặt hàng nhập khẩu đang bị Việt Nam điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại nhằm phát hiện và cảnh báo nguy cơ lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, đánh giá hiệu quả của biện pháp phòng vệ thương mại đang áp dụng;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu và tiến hành theo dõi, phân tích và cảnh báo đối với 10 đối tác thương mại lớn thường xuyên điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng xuất khẩu Việt Nam;

- Xây dựng hệ thống đầu mối cung cấp thông tin liên quan tới phòng vệ thương mại của các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội và doanh nghiệp để đảm bảo chủ động trong việc áp dụng, phòng, tránh và ứng phó với các biện pháp này của nước ngoài;

- Ban hành cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và cộng đồng doanh nghiệp trong việc cảnh báo và ứng phó với các vụ kiện phòng vệ thương mại;

- Xây dựng và phổ biến Bản tin phòng vệ thương mại và cảnh báo sớm cho các đối tượng liên quan;

- Bồi dưỡng, đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ điều tra và ứng phó các vụ kiện phòng vệ thương mại cho 200 cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên các cơ quan bộ, ngành, địa phương liên quan đến lĩnh vực phòng vệ thương mại nhằm tăng cường khả năng cảnh báo và hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực phòng vệ thương mại;

- Nâng cao kiến thức về phòng vệ thương mại cho 10 hiệp hội ngành hàng và 500 doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa để nhận biết các nguy cơ bị kiện phòng vệ thương mại, chủ động phòng, tránh, ứng phó với các vụ kiện một cách hiệu quả và chủ động sử dụng công cụ phòng vệ thương mại để bảo vệ sản xuất trong nước.

b) Đến năm 2025:

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng, công nghệ thông tin, phần mềm phân tích và trang thông tin điện tử để vận hành hiệu quả Hệ thống cảnh báo sớm và để tính toán biên độ bán phá giá, biên độ trợ cấp và phân tích thiệt hại;

- Hoàn thiện và nâng cấp cơ sở dữ liệu để theo dõi các mặt hàng nhập khẩu đang bị Việt Nam điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại, các mặt hàng có khả năng lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, các mặt hàng nhập khẩu có mức tăng đột biến, các mặt hàng nhập khẩu có dấu hiệu gây thiệt hại cho sản xuất trong nước, nhằm phát hiện và cảnh báo dấu hiệu lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, đánh giá hiệu quả của biện pháp phòng vệ thương mại đang áp dụng, nâng cao khả năng điều tra, áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại;

- Hoàn thiện và nâng cấp cơ sở dữ liệu và duy trì cập nhật thông tin, phần mềm cảnh báo sớm để theo dõi và cảnh báo đối với 20 đối tác thương mại lớn thường xuyên điều tra biện pháp phòng vệ thương mại đối với Việt Nam;

- Xây dựng mạng lưới các chuyên gia uy tín, dày dặn kinh nghiệm trong và ngoài nước trong lĩnh vực phòng vệ thương mại nhằm phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ phòng vệ thương mại;

- Bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về điều tra, ứng phó với các vụ kiện phòng vệ thương mại và giải quyết tranh chấp quốc tế về phòng vệ thương mại cho 1.000 cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên các cơ quan bộ, ngành và địa phương tham gia lĩnh vực phòng vệ thương mại nhằm tăng cường khả năng cảnh báo và hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực phòng vệ thương mại;

- Nâng cao kiến thức về phòng và thương mại cho 30 hiệp hội ngành hàng và 5.000 doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa để nhận biết các nguy cơ bị kiện phòng vệ thương mại, chủ động phòng, tránh, ứng phó với các vụ kiện một cách hiệu quả và chủ động sử dụng công cụ phòng vệ thương mại để bảo vệ sản xuất trong nước.

\* Bộ Tài chính

a) Phối hợp với Bộ Công Thương giám sát việc áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam nhằm phát hiện, điều tra và xử lý các hành vi gian lận, lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại.

b) Phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng, ký kết và triển khai thực hiện Biên bản hợp tác về trao đổi thông tin, số liệu thống kê xuất nhập khẩu và Danh mục các mặt hàng có nguy cơ bị điều tra liên quan đến các vụ việc phòng vệ thương mại trong năm 2020.

c) Định kỳ hàng năm bố trí kinh phí sự nghiệp kinh tế, kinh phí chi thường xuyên trên cơ sở kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện Đề án trong dự toán ngân sách do Bộ Công Thương xây dựng và khả năng cân đối ngân sách hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

\* Đề nghị các phòng chuyên môn căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham mưu các nội dung có liên quan.

**2. Quyết định 358/QĐ-TTg** của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án đảm bảo trật tự hành lang an toàn giao thông và xử lý dứt điểm lối đi tự mở qua đường sắt.

\* Ngày ban hành : 10/03/2020

\* Ngày có hiệu lực : 10/03/2020

\* Nội dung chính :

Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đường sắt đi qua

- Rà soát lại diện tích đất trong hành lang an toàn giao thông đường sắt đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân và có phương án thu hồi diện tích đất đã cấp;

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã phối hợp với cơ quan quản lý phụ trách tuyến đường để tổ chức rà soát, thống kê và phân loại các đường sắt công trình vi phạm và các công trình gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường sắt;
- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương và các tổ chức, đoàn thể xã hội các cấp đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các kiến thức pháp luật về đường sắt nhằm nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật về đường sắt, góp phần bảo vệ đường sắt và phòng ngừa tai nạn giao thông đường sắt;
- Có hình thức xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân để xảy ra tình trạng lấn chiếm hoặc tái lấn chiếm, sử dụng trái phép đất dành cho đường sắt;
- Phân công, giao nhiệm vụ và quy định trách nhiệm của người đứng đầu trong việc bảo đảm trật tự an toàn giao thông và hành lang an toàn giao thông đường sắt.

**\* Đề nghị các phòng chuyên môn căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham mưu các nội dung có liên quan.**

**3. Quyết định 357/QĐ-TTg** của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL-TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

\* Ngày ban hành : 10/03/2020

\* Ngày có hiệu lực : 10/03/2020

\* Nội dung chính :

Bộ Tài chính:

- Chủ trì rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách thuế, phí theo hướng tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của ngành nông nghiệp, thu hút đầu các thành phần kinh tế đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn. Nghiên cứu, sửa đổi đơn giản hóa các thủ tục hành chính về thuế.

- Chủ trì triển khai hiệu quả Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp; nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách bảo hiểm theo chuỗi giá trị nông nghiệp.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và đầu tư tăng cường nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.

**\* Đề nghị các phòng chuyên môn căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham mưu các nội dung có liên quan.**

#### **Phần IV. Chỉ thị của Thủ tướng**

**1. Chỉ thị số 11/CT-TTg của Thủ tướng chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19.**

\* Ngày ban hành : 04/03/2020

\* Ngày có hiệu lực : 04/03/2020

\* Nội dung chính :

Hỗ trợ tín dụng cho người dân bị ảnh hưởng bởi Covid-19

Đây là nội dung đáng chú ý trong Chỉ thị 11/CT-TTg về nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19 do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Theo đó, giao NHNN hướng dẫn các ngân hàng thực hiện các biện pháp hỗ trợ như cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi vay, giảm phí... đối với khách hàng gặp khó khăn do dịch Covid-19, mà trước hết là gói hỗ trợ tín dụng khoảng 250 nghìn tỷ đồng.

Ngoài ra, Thủ tướng cũng yêu cầu các bộ, cơ quan tập trung thực hiện các nhiệm vụ quan trọng sau:

- Rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính, chi phí cho doanh nghiệp;
- Tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy xuất, nhập khẩu;
- Khẩn trương phục hồi và phát triển ngành du lịch, hàng không;
- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư và cải thiện môi trường kinh doanh;
- Tập trung xử lý vướng mắc về lao động;
- Đẩy mạnh thông tin truyền thông.

**\* Đề nghị các phòng chuyên môn căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham mưu các nội dung có liên quan.**